

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC  
**“*Sự liên kết của nông dân vùng Tây-Nam bộ trong các nhóm  
và tổ chức hợp tác để phát triển nông nghiệp hàng hóa*”**  
Của nghiên cứu sinh: **VÕ THỊ KIM SA**

Sự liên kết của nông dân trong các nhóm và tổ chức hợp tác không phải là câu chuyện mới. Trong thực tế các hình thức liên kết của nông dân trong sản xuất nông nghiệp đã và đang được hình thành với nhiều tên gọi khác nhau. Nhưng nhìn chung các tổ chức hợp tác của nông dân chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu hỗ trợ kinh tế nông hộ phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa lớn.

Sự không tương xứng giữa một bên là yêu cầu và kỳ vọng của chủ trương, sự đầu tư của Nhà nước qua các chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức hợp tác, với một bên là vai trò hạn chế của mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đã đặt ra nhiều vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Luận án **“*Sự liên kết của nông dân vùng Tây-Nam bộ trong các nhóm và tổ chức hợp tác để phát triển nông nghiệp hàng hóa*”** do NCS Võ Thị Kim Sa tiến hành đã góp phần làm rõ hơn các chiều cạnh khác nhau của vấn đề này.

Mục đích nghiên cứu này là thấu hiểu thực trạng mối liên kết của nông dân vùng Tây-Nam bộ trong các tổ chức hợp tác, làm sáng tỏ một vài yếu tố thúc đẩy và hạn chế mối quan hệ liên kết trong sản xuất nông nghiệp, trên cơ sở đó gợi mở một số giải pháp phát triển mối liên kết của nông dân trong các tổ chức hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Luận án kết hợp nhuần nhuyễn phương pháp nghiên cứu định lượng (với 552 bảng hỏi đảm bảo tính nhất quán, độ tin cậy cao) và phương pháp nghiên cứu định tính (qua phỏng vấn sâu và lấy ý kiến của chuyên gia). Luận án có những kết luận quan trọng sau:

1. Tại vùng Tây-Nam bộ, một số nông dân liên kết trong sản xuất nông nghiệp với nhiều hình thức nhóm và tổ chức khác nhau. Nông dân tham gia liên kết ở cấp độ, mức độ càng cao thì lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội nhận được có xu hướng càng nhiều.

2. Cho dù có tham gia hay không tham gia vào tổ chức hợp tác, nhiều nông dân chưa nhận thức được đầy đủ tính đặc thù của tổ chức hợp tác, chưa phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của thành viên. Đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều vấn đề, làm hạn chế vai trò của các nhóm và tổ chức hợp tác trong xã hội.

3. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa sản sinh ra “chất kết dính” trong hoạt động liên kết. Những nông dân có tiềm năng sản xuất nông nghiệp hàng hóa càng cao, thể hiện bằng diện tích canh tác càng nhiều, thì nhu cầu liên kết ở cấp độ và mức độ càng cao. Hơn thế, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà đồng hành với nó là sự chuyển dịch cơ cấu lao động ra khỏi lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lực lượng lao động nông nghiệp càng trở nên khan hiếm thì nhu cầu liên kết càng trở nên cấp thiết hơn.

4. Động lực cho quá trình liên kết bền vững xuất phát từ sức mạnh bên trong tổ chức. Khuôn khổ pháp lý phù hợp, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa và nâng cao nhận thức cho nông dân về giá trị hợp tác là biện pháp cần thiết nhằm thúc đẩy quá trình liên kết của nông dân.

Về mặt lý luận, luận án góp phần làm phong phú thêm sự vận dụng của thuyết lựa chọn hợp lý có giới hạn vào thực tiễn. Luận án minh chứng rằng sự lựa chọn các cấp độ liên kết khác nhau của nông dân không phụ thuộc vào mức độ nhận thức của họ về các đặc tính đặc thù của từng loại hình tổ chức hợp tác. Sự lựa chọn này không phải là phi lý, theo cách nhìn nhận của người trong cuộc. Nhưng một khi họ đã trở thành thành viên của tổ chức hợp tác thì chính sự nhận thức không đầy đủ (sai lệch) về vai trò, quyền và nghĩa vụ của thành viên là một trong những lực cản lớn làm hạn chế tác dụng tích cực của liên kết.

Về mặt thực tiễn, điểm mới lạ và độc đáo của công trình nghiên cứu này là lần đầu tiên lượng hóa và đo lường mức độ nhận thức của nông dân về đặc tính khác nhau của các hình thức tổ chức hợp tác diễn ra tại vùng Tây-Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Luận án góp phần trang bị những kiến thức cần thiết cho các chủ thể liên kết để họ có thêm thông tin cần thiết khi lựa chọn loại hình liên kết và duy trì tính bền vững của chúng. Kết quả của luận án sẽ góp phần bổ sung vào nguồn tài liệu về bản chất các tổ chức hợp tác và có nghĩa trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý các hình thức tổ chức hợp tác tại Việt Nam.

Tuy nhiên, giới hạn của luận án là chỉ phân tích sự liên kết của nông dân trong sản xuất lúa và cây ăn trái tại vùng Tây-Nam bộ. Tác giả chỉ xem xét ảnh hưởng của diện tích canh tác, số nhân khẩu, số người lao động nông nghiệp chính của nông hộ, độ tuổi, trình độ học vấn, mức độ nhận thức của nông dân, đến việc phát triển các hình thức liên kết. Còn nhân tố nào khác ảnh hưởng đến mức độ liên kết của nông dân? Sự liên kết của nông dân trong nuôi trồng thủy sản và sản xuất lâm nghiệp và các lĩnh vực khác ra sao? Đó là một số khoảng trống mà luận án này chưa thực hiện được. Điều này gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của tác giả và của những nhà khoa học có cùng mối quan tâm.

Luận án đã được bảo vệ thành công trước Hội đồng chấm Luận án Tiến sĩ ngày 21 tháng 9 năm 2013 tại Học viện Khoa học Xã hội. Luận án được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia, Thư viện Học viện Khoa học Xã hội.